

Bản án số: 20/2022/HN&GD-ST

Ngày: 26/8/2022.

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Hồng Hải.  
2. Bà Nguyễn Thị Thanh.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Tạ Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia phiên tòa:***  
Ông Dương Văn Thuận – KSV.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 101/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST-HN&GD ngày 01 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST-HN&GD ngày 23 tháng 3 năm 2022 giữa:

**Nguyên đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1982;**

Địa chỉ: TDP Tân Long, phường Tân Hương, thành phố Phổ Yên, Thái Nguyên.

**Bị đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1983;**

Địa chỉ: TDP Tân Long, phường Tân Hương, thành phố Phổ Yên, Thái Nguyên.

*(Anh B có mặt, chị T vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn, anh Trần Văn Bình trình bày:*

Anh và chị Phạm Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hương (nay là phường Tân Hương) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/3/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2006 chị T đi xuất khẩu lao động sang Cộng Hoà Séc cho đến năm 2016 chị T về nước. Tuy nhiên, từ khi chị T về nước, anh chị không còn chung sống với nhau nữa do thời gian chị T đi làm xa nhà, nhiều năm không gặp chị T có tình cảm với người đàn ông khác. Anh đã nhiều lần đề nghị chị T về đoàn tụ nhưng không thành. Nay vợ chồng đã không chung sống nhiều năm, anh xác định không còn tình cảm với chị T

nữa nên đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị T không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, khoản cho vay chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Bị đơn, chị Phạm Thị T* : Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và tại nơi bố mẹ đẻ của chị T sinh sống nhưng chị T không đến Tòa án, không thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh B .

- Biên bản lấy lời khai bố mẹ đẻ chị Thêu là ông Phạm Ngọc V và bà Phạm Thị S thể hiện:

Anh B và chị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị T chuyển khẩu và sinh sống cùng gia đình anh Bình tại tổ dân phố Tân Long, phường Tân Hương. Anh chị sống với nhau được một thời gian ngắn đến năm 2006 chị T đi xuất khẩu lao động tại Cộng hoà Séc đến năm 2016 chị T về nước nhưng không về Thái Nguyên cùng chồng mà về sinh sống cùng gia đình ông bà tại thôn An Điện, xã Đồng Thanh, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Lý do chị T không về chung sống với anh B là do khi chị T đi nước ngoài một thời gian thì có thông tin anh B ở nhà có quan hệ với người phụ nữ khác và đã có con riêng do vậy vợ chồng mâu thuẫn, tình cảm rạn nứt. Từ khi chị T về nhà bố mẹ đẻ ở, anh Bình không đi lại thăm hỏi hay liên lạc gì với gia đình ông bà, cũng không tìm gọi chị T về nhưng chị T thường xuyên liên lạc với ông bà bằng điện thoại.

Về con chung: Chị T và anh B không có con chung;

Về tài sản: việc vợ chồng anh B , chị T có tài sản hay cho ai vay nợ không ông bà không nắm được và không có ý kiến gì.

Khi chị T và anh B kết hôn được vài tháng anh B có hỏi mượn ông bà 01 chiếc xe máy Dream Việt, lúc đó ông bà mua giá 17.000.000đ, đăng ký tên ông Phạm Ngọc V , không nhớ BKS đăng ký xe, ông cũng chỉ trình bày như vậy không có giấy tờ cho mượn, không yêu cầu Toà án giải quyết. Trường hợp anh B và chị T ly hôn ông đề anh B trả xe cho ông làm phương tiện đi lại.

Việc anh Bình có đơn ly hôn tại Toà án nhân dân thành phố Phổ Yên, ông, bà chịu trách nhiệm giao trực tiếp các văn bản tố tụng của Toà án để chị Thêu thực hiện quyền, tuy nhiên, chị T có đến Toà án hay không ông không biết được

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án được thực

hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016, ra bản án với các nội dung sau:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Bình được ly hôn với chị Thêu.

Về con chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, khoản cho vay chung: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Anh Bình phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, anh Trần Văn B khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết quyền nuôi con chung với bị đơn chị Phạm Thị T ; chị Thêu có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Tân Long, phường Tân Hương, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[2.1]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn, chị Phạm Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (UBND phường Tân Hương, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên) và tại nơi bố mẹ đẻ chị T sinh sống (thôn An Điện, xã Đồng Thanh, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái B ) do chị đi làm tại Hà Nội không rõ địa chỉ mà thường xuyên liên lạc qua điện thoại với bố mẹ đẻ và nhờ ông bà nhận các văn bản tố tụng của Tòa án thay chị nhưng chị T vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2.2]. Về sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành một số biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn B và chị Phạm Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân Hương và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/3/2005 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Từ tháng 06/2006 chị Thêu đi xuất khẩu lao động đến năm 2016 chị T trở về nước nhưng vợ chồng không chung sống với nhau nữa. Theo anh B, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do thời gian vợ chồng sống xa nhau nhiều năm, chị T có tình cảm với người đàn ông khác nên trở về nước vợ chồng không còn tình cảm, đã ly thân từ đó cho đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh Bình và chị Thêu tại Ủy ban nhân dân phường Tân Hương – nơi anh chị đăng ký hộ khẩu thường trú đã xác định: Chị T và anh B chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì chị T bỏ nhà đi do mâu thuẫn vợ chồng. Anh chị đã không còn chung sống với nhau nhiều năm. Hiện chị T vẫn còn hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng sinh sống ở đâu thì địa phương không nắm được rõ, cũng không biết chị Thêu có về quê mẹ để ở Vũ Thư, Thái Bình hay không.

Toà án nhân dân thành phố Phổ Yên đã uỷ thác cho Toà án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình thực hiện tiến hành một số biện pháp thu thập chứng cứ tại Quyết định uỷ thác thu thập chứng cứ số 02/2022/QĐ-UTTA ngày 12/7/2022.

Xác minh lời khai của bố mẹ đẻ chị T là ông Phạm Ngọc V và bà Nguyễn Thị S – Điều trú tại Thôn An Điện, xã Đồng Thanh, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình do Toà án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình thực hiện theo Quyết định uỷ thác. Kết quả xác minh với bố mẹ đẻ của chị Phạm Thị T là ông phạm Ngọc V và bà Nguyễn Thị S, được cung cấp thông tin:

Chị T và anh B không chung sống cùng nhau từ năm 2006, sau khi đi xuất khẩu lao động, chị Thêu về nước năm 2016 nhưng không về Thái Nguyên với chồng mà về chung sống cùng gia đình ông, bà tại Thái Bình. Lý do không chung sống cùng là khi về nước chị T nhận được thông tin anh B có quan hệ với người phụ nữ khác và đã có con riêng nên tình cảm rạn nứt, hiện chị T đi làm ăn tại Hà nội nhưng ông bà cũng không biết địa chỉ cụ thể, chị T chỉ nói ở huyện Thanh Trì. Chị T cũng được gia đình ông bà thông tin và giao các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án.

Bên cạnh đó Toà án tiến hành liên lạc trực tiếp với chị T qua số điện thoại do ông Vinh, bà S – là bố mẹ đẻ chị T cung cấp trước sự chứng kiến của anh B. Chị T xác định không còn tình cảm với anh B nhưng không đồng ý ly hôn, lý do giữa hai người chưa giải quyết dứt điểm chuyện tiền bạc. Tuy nhiên, chị không đề nghị Toà án giải quyết mà đề nghị anh B và chị tự giải quyết với nhau rồi mới đồng ý ly hôn.

Do đó, việc anh B và chị T có mâu thuẫn và hiện không còn chung sống với nhau là thực tế. Quá trình giải quyết vụ án, chị T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại Toà án không có lý do, thể hiện chị T không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, gây khó khăn cho anh B trong việc giải quyết ly hôn.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: *”Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ chung sống với nhau...”*. Tuy nhiên, từ lời khai của anh Bình, lời trình bày của bố mẹ đẻ chị Thêu và xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị T và anh B cư trú thấy, anh chị đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”*.

Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bình, cho anh Bình được ly hôn với chị Thêu là phù hợp theo quy định tại Điều 19, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Về con chung: Quá trình chung sống anh Bình và chị Thêu không có con chung nên không đặt ra việc giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

Đối với lời trình bày của ông Phạm Ngọc V (bố đẻ chị T) về chiếc xe máy Dream Việt, ông cho anh B mượn, nhưng ông không nhớ BKS đăng ký xe, ông không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án, nếu có căn cứ ông V có thể khởi kiện vụ án dân sự khác về việc kiện đòi tài sản đối với anh B.

[3.4]. Về nợ chung, khoản cho vay chung: Không có nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn, anh Trần Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 271, 273, 264, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 19, Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Văn Bình đối với chị Phạm Thị T.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Anh Trần Văn B được ly hôn với chị Phạm Thị T.

**2. Về con chung:** Không có, không đặt ra việc giải quyết.

**3. Về tài sản chung:** Không có, không đặt ra việc giải quyết.

**4. Về nợ chung, các khoản cho vay chung:** Không có, không đặt ra việc giải quyết.

**5. Về án phí:** Anh Trần Văn B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn sung quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên theo biên lai thu số 0002174 ngày 26/4/2022. Xác nhận anh Bình đã nộp đủ.

**6. Quyền kháng cáo:**

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh Trần Văn Bình tại phiên toà. Báo cho biết anh Bình có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, chị Phạm Thị T vắng mặt tại phiên toà. Báo cho biết, chị T vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- THADS thành phố Phổ Yên;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- UBND phường Tân Hương  
(ĐKKH số 20 ngày 25/3/2005;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thu Hà**